

CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 117/2005/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 15 tháng 9 năm 2005

NGHỊ ĐỊNH

Về việc điều chỉnh lương hưu và trợ cấp bảo hiểm xã hội

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Bộ luật Lao động ngày 23 tháng 6 năm 1994 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Lao động ngày 02 tháng 4 năm 2002;

Căn cứ Nghị quyết số 17/2003/QH11 ngày 04 tháng 11 năm 2003 về dự toán ngân sách nhà nước năm 2004 và Nghị quyết số 19/2003/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2003 về nhiệm vụ 2004 của Quốc hội khoá XI;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội,

NGHỊ ĐỊNH :

Điều 1. Điều chỉnh mức lương hưu và trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng đối với các đối tượng sau đây:

1. Cán bộ, công chức, công nhân, viên chức; quân nhân, công an nhân dân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương hưu hàng tháng theo thang lương, bảng lương do Nhà nước quy định.

2. Công nhân, viên chức và người lao động hưởng lương hưu hàng tháng vừa có thời gian hưởng lương theo thang lương, bảng lương do Nhà nước quy định, vừa có thời gian hưởng lương không theo thang lương, bảng lương do Nhà nước quy định.

3. Công nhân, viên chức đang hưởng trợ cấp mất sức lao động hàng tháng, kể cả người hưởng trợ cấp hàng tháng theo Quyết định số 91/2000/QĐ-TTg ngày 04 tháng 8 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ.

4. Công nhân cao su đang hưởng trợ cấp hàng tháng.

5. Cán bộ xã, phường, thị trấn đang hưởng lương hưu, trợ cấp hàng tháng theo Nghị định số 121/2003/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2003 của Chính phủ và Nghị định số 09/1998/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 1998 của Chính phủ.

Điều 2. Từ ngày 01 tháng 10 năm 2005 đến ngày 30 tháng 9 năm 2006, mức lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng đối với các đối tượng hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng trước ngày 01 tháng 10 năm 2005 quy định tại Điều 1 Nghị định này được điều chỉnh như sau :

1. Đối với cán bộ, công chức, công nhân, viên chức nghỉ hưu :

a) Tăng 10% trên mức lương hưu hiện hưởng đối với người có mức lương trước khi nghỉ hưu dưới 390 đồng/tháng theo Nghị định số 235/HĐBT ngày 18 tháng 9 năm 1985 của Hội đồng Bộ trưởng; có hệ số lương cũ dưới 3,06 theo Nghị định số 25/CP và Nghị định số 26/CP ngày 23 tháng 5 năm 1993 của Chính phủ; có hệ số lương mới dưới 3,99 theo Nghị quyết số 730/2004/NQ-UBTVQH11 ngày 30 tháng 9 năm 2004 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quyết định số 128/QĐ-TW ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 và Nghị định số 205/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ;

b) Tăng 8% trên mức lương hưu hiện hưởng đối với người có mức lương trước khi nghỉ hưu từ 390 đồng/tháng trở lên theo Nghị định số 235/HĐBT ngày 18 tháng 9 năm 1985 của Hội đồng Bộ trưởng; có hệ số lương cũ từ 3,06 trở lên theo Nghị định số 25/CP và Nghị định số 26/CP ngày 23 tháng 5 năm 1993 của Chính phủ; có hệ số lương mới từ 3,99 trở lên theo Nghị quyết số 730/2004/NQ-UBTVQH11 ngày 30 tháng 9 năm 2004 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quyết định số 128/QĐ-TW ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 và Nghị định số 205/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ.

2. Đối với quân nhân, công an nhân dân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương theo bảng lương cấp bậc quân hàm sĩ quan quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan công an nhân dân và bảng lương quân nhân chuyên nghiệp thuộc quân đội nhân dân và chuyên môn kỹ thuật thuộc công an nhân dân nghỉ hưu :

a) Tăng 10% trên mức lương hưu hiện hưởng đối với người có mức lương trước khi nghỉ hưu dưới 425 đồng/tháng theo Nghị định số 235/HĐBT ngày 18 tháng 9 năm 1985 của Hội đồng Bộ trưởng; có hệ số lương cũ dưới 4,4 theo Nghị định số 25/CP ngày 23 tháng 5 năm 1993 của Chính phủ; có hệ số lương mới dưới 5,6 theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ;

b) Tăng 8% trên mức lương hưu hiện hưởng đối với người có mức lương trước khi nghỉ hưu từ 425 đồng/tháng trở lên theo Nghị định số 235/HĐBT ngày 18 tháng 9 năm 1985 của Hội đồng Bộ trưởng; có hệ số lương cũ từ 4,4 trở lên theo Nghị định số 25/CP ngày 23 tháng 5 năm 1993 của Chính phủ; có hệ số lương mới từ 5,6 trở lên theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ.

3. Tăng 10% trên mức trợ cấp hiện hưởng đối với người đang hưởng trợ cấp mất sức lao động hàng tháng; người hưởng trợ cấp hàng tháng theo Quyết định số 91/2000/QĐ-TTg ngày 04 tháng 8 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ; công nhân cao su đang hưởng trợ cấp hàng tháng; cán bộ xã, phường, thị trấn đang hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng theo Nghị định số 121/2003/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2003 và Nghị định số 09/1998/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 1998 của Chính phủ.

Điều 3. Mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội làm căn cứ tính lương hưu, trợ cấp một lần khi nghỉ hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần, trợ cấp tuất một lần và mức điều chỉnh lương hưu đối với người hưởng lương theo thang lương, bảng lương do Nhà nước quy định nghỉ hưu, hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội từ ngày 01 tháng 10 năm 2005 đến ngày 30 tháng 9 năm 2006 như sau :

1. Mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội làm căn cứ tính lương hưu và trợ cấp bảo hiểm xã hội được quy định như sau :

a) Đối với thời gian đóng bảo hiểm xã hội trước ngày 01 tháng 10 năm 2004 : tính theo mức tiền lương đã hưởng và đóng bảo hiểm xã hội theo quy định tại Nghị quyết số 35/NQ-UBTVQH9 ngày 17 tháng 5 năm 1993 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quyết định số 69-QĐ/TW ngày 17 tháng 5 năm 1993 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Nghị định số 25/CP và Nghị định số 26/CP ngày 23 tháng 5 năm 1993 của Chính phủ;

b) Đối với thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ ngày 01 tháng 10 năm 2004 trở đi : tính theo mức tiền lương đã hưởng và đóng bảo hiểm xã hội theo quy định tại Nghị quyết số 730/2004/NQ-UBTVQH11 ngày 30 tháng 9 năm 2004 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Quyết định số 128/QĐ-TW ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Ban Bí thư Trung ương Đảng; Nghị định số 204/2004/NĐ-CP và Nghị định số 205/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ.

2. Mức điều chỉnh lương hưu đối với người nghỉ hưu từ ngày 01 tháng 10 năm 2005 đến ngày 30 tháng 9 năm 2006 được thực hiện một lần tại tháng nghỉ hưu theo quy định sau :

Tháng nghỉ hưu từ 10/2005 đến 9/2006	Nghỉ hưu vào 3 tháng cuối của năm 2005			Nghỉ hưu vào 9 tháng đầu của năm 2006								
	T10	T11	T12	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9
Mức điều chỉnh (%)	14	13,5	13	12,5	12	11,5	11	10,5	10	9,5	9,0	8,5

Điều 4. Đối với người nghỉ hưu thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định này, thì chỉ điều chỉnh phần lương hưu hưởng theo tiền lương thuộc thang lương, bảng lương do Nhà nước quy định. Các mức điều chỉnh thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 2 và khoản 2 Điều 3 Nghị định này.

Điều 5. Mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội để làm cơ sở tính lương hưu và mức điều chỉnh lương hưu đối với người nghỉ chờ đủ tuổi đời để hưởng chế độ hưu trí căn cứ vào tháng nghỉ chờ và thời gian đủ tuổi đời để hưởng chế độ hưu trí được quy định như sau :

1. Đối với người nghỉ chờ đủ tuổi đời để hưởng chế độ hưu trí trước ngày 01 tháng 10 năm 2004 và đủ điều kiện hưởng chế độ hưu trí trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 10 năm 2005 đến trước ngày 01 tháng 10 năm 2006 :

a) Mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội để làm cơ sở tính lương hưu tính theo mức tiền lương quy định tại các văn bản nêu tại điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị định này;

b) Mức điều chỉnh lương hưu được quy định bằng mức điều chỉnh lương hưu đối với người nghỉ hưu trước ngày 01 tháng 10 năm 2004 theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 208/2004/NĐ-CP và mức điều chỉnh lương hưu đối với người nghỉ hưu trước ngày 01 tháng 10 năm 2005 theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 2 Nghị định này.

2. Đối với người nghỉ chờ đủ tuổi đời để hưởng chế độ hưu trí từ ngày 01 tháng 10 năm 2004 đến trước ngày 01 tháng 10 năm 2005 và đủ điều kiện hưởng chế độ hưu trí trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 10 năm 2005 đến trước ngày 01 tháng 10 năm 2006 :

a) Mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội để làm cơ sở tính lương hưu theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định này;

b) Mức điều chỉnh lương hưu được quy định bằng mức điều chỉnh lương hưu đối với người nghỉ hưu từ ngày 01 tháng 10 năm 2004 đến ngày 30 tháng 9 năm 2005 quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 208/2004/NĐ-CP và mức điều chỉnh lương hưu đối với người nghỉ hưu trước ngày 01 tháng 10 năm 2005 theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 2 Nghị định này.

3. Đối với người nghỉ chờ đủ tuổi đời và đủ điều kiện hưởng chế độ hưu trí trong thời gian từ ngày 01 tháng 10 năm 2005 đến trước ngày 01 tháng 10 năm 2006 :

a) Mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội để làm cơ sở tính lương hưu theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định này;

b) Mức điều chỉnh lương hưu được quy định bằng mức điều chỉnh lương hưu đối với người nghỉ hưu từ ngày 01 tháng 10 năm 2005 đến ngày 30 tháng 9 năm 2006 quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định này.

Điều 6. Kinh phí điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng áp dụng đối với các đối tượng quy định tại Điều 1 Nghị định này được quy định như sau :

1. Đối với các đối tượng hưởng chế độ bảo hiểm xã hội trước ngày 01 tháng 10 năm 1995 do ngân sách nhà nước bảo đảm.

2. Đối với các đối tượng hưởng chế độ bảo hiểm xã hội từ ngày 01 tháng 10 năm 1995 trở đi kể cả đối tượng đang hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng theo Nghị định số 121/2003/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2003 và Nghị định số 09/1998/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 1998 của Chính phủ do quỹ bảo hiểm xã hội bảo đảm.

Điều 7. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Các đối tượng quy định tại Điều 1 Nghị định này được hưởng mức lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng điều chỉnh theo quy định tại Nghị định này kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2005.

Điều 8.

1. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn thực hiện việc điều chỉnh lương hưu và trợ cấp bảo hiểm xã hội quy định tại Nghị định này;

b) Trình Chính phủ tiếp tục điều chỉnh mức lương hưu và trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng của các đối tượng quy định tại Điều 1 Nghị định này từ ngày 01 tháng 10 năm 2006 đến ngày 01 tháng 10 năm 2007.

2. Bộ Tài chính có trách nhiệm bảo đảm kinh phí điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội đối với các đối tượng do ngân sách nhà nước bảo đảm.

3. Bảo hiểm Xã hội Việt Nam có trách nhiệm bảo đảm kinh phí điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội đối với các đối tượng do quỹ bảo hiểm xã hội bảo đảm; tổ chức hướng dẫn các cơ quan bảo hiểm xã hội địa phương thực hiện việc điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và tổ chức chi trả đối với các đối tượng kịp thời, đúng quy định tại Nghị định này.

Điều 9. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG



Phan Văn Khải

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Học viện Hành chính quốc gia;
- Bảo hiểm Xã hội Việt Nam;
- VPCP: BTCN, TBNC, các PCN, BNC, Ban Điều hành 112,
- Người phát ngôn của Thủ tướng Chính phủ, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, VX (5b). A